

CÔNG TY CỔ PHẦN
GARMEX SÀI GÒN

(GARMEX SAIGON)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No : 65 /CBTT-2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2021

HoChiMinh City, April.29th, 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/ - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
To: - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
/ *GARMEX SAIGON CORPORATION*
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: GMC
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp,
Thành phố Hồ Chí Minh/ *252 Nguyen Van Luong, Ward 17, GoVap District,*
HoChiMinh City
 - Điện thoại/ *Telephone*: 028-39844822
 - Fax: 028 - 39844746
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Minh Hằng
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Tài chính và Đầu tư
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn công bố báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 1/2021

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
29/04/2021 tại đường dẫn : <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

*This information was disclosed on Company's Portal on date April.29th, 2021 Available
at: https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be
legally responsible for any misrepresentation.*

Nơi gửi

- Như trên
- Lưu VP

Đại diện tổ chức/ Organization representative

Người UQ CBTT/ Party authorized to disclose information

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẰNG



CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
252 NGUYỄN VĂN LƯỢNG, P.17, Q. GÒ VẤP, TP.HCM
MST : 0300742387



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÍ I NĂM 2021

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
- Bảng cân đối kế toán riêng	1-4
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6-7
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8-29



Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	968,208,268,736	1,007,181,594,339
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	512,547,606,132	571,950,296,562
1. Tiền	111	512,547,606,132	571,950,296,562
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	228,267,158,018	185,564,108,041
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	266,016,504,025	224,867,196,745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8,542,464,331	7,197,258,459
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	402,221,390	284,819,765
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(46,694,031,728)	(46,785,166,928)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	206,182,611,104	233,470,654,249
1. Hàng tồn kho	141	212,989,549,010	240,277,592,155
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(6,806,937,906)	(6,806,937,906)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	21,210,893,482	16,196,535,487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	748,663,285	1,878,642,773
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	20,462,230,197	14,317,892,714

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200	211,412,320,024	210,911,854,896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	79,362,175,235	80,838,909,880
1. Tài sản cố định hữu hình	221	77,872,815,362	79,269,761,542
- Nguyên giá	222	253,962,252,742	251,705,849,092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(176,089,437,380)	(172,436,087,550)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	1,489,359,873	1,569,148,338
- Nguyên giá	228	6,018,865,523	6,018,865,523
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(4,529,505,650)	(4,449,717,185)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	13,976,880,997	13,130,494,545
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13,976,880,997	13,130,494,545
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	102,395,050,576	100,743,524,574
1. Đầu tư vào công ty con	251	102,700,000,000	102,700,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4,341,000,000	4,341,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15,395,180,000	15,395,180,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(20,041,129,424)	(21,692,655,426)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	15,678,213,216	16,198,925,897
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12,007,462,883	12,435,761,096
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	3,670,750,333	3,763,164,801
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1,179,620,588,760	1,218,093,449,235

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	554,690,094,598	594,854,133,083
I. Nợ ngắn hạn	310	545,785,666,681	585,833,713,583
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	127,979,966,823	150,168,726,661
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	3,335,003,260	3,429,687,611
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1,443,480,488	4,529,621,132
4. Phải trả người lao động	314	33,458,281,909	53,208,735,776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2,523,212,713	6,053,005,907
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	6,027,910,803	2,628,703,063
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	369,771,712,458	364,417,918,906
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1,246,098,227	1,397,314,527
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II. Nợ dài hạn	330	8,904,427,917	9,020,419,500
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	8,904,427,917	9,020,419,500

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng


Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	624,930,494,162	623,239,316,152
I. Vốn chủ sở hữu	410	624,930,494,162	623,239,316,152
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	300,052,800,000	300,052,800,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	300,052,800,000	300,052,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	72,687,827,370	72,687,827,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	(863,138,686)	(863,138,686)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	67,754,774,402	67,754,774,402
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	185,298,231,076	183,607,053,066
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	183,607,053,066	130,119,307,910
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	1,691,178,010	53,487,745,156
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1,179,620,588,760	1,218,093,449,235

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2021


 Nguyễn Thị Diễm
 Người lập


 Trần Thị Mỹ Hạnh
 Kế toán trưởng


 Lê Hùng
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	306,828,450,503	374,723,620,182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	1,020,695
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	306,828,450,503	374,722,599,487
4. Giá vốn hàng bán	11	277,196,508,474	315,337,516,534
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	29,631,942,029	59,385,082,953
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,801,869,490	3,842,790,539
7. Chi phí tài chính	22	2,910,485,278	5,993,061,289
Trong đó: chi phí lãi vay	23	1,598,898,697	1,945,963,740
8. Chi phí bán hàng	25	2,619,260,043	3,302,154,418
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25,098,112,457	24,583,727,203
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1,805,953,741	29,348,930,582
11. Thu nhập khác	31	1,312,560,753	797,839,929
12. Chi phí khác	32	-	-
13. Lợi nhuận khác	40	1,312,560,753	797,839,929
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3,118,514,494	30,146,770,511
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1,334,922,016	4,350,652,544
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	92,414,468	83,547,875
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1,691,178,010	25,712,570,092

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2021


Nguyễn Thị Diễm
Người lập


Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởngLê Hùng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3,118,514,494	30,146,770,511
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3,733,138,295	4,150,655,195
- Các khoản dự phòng	03	(1,858,652,785)	3,132,991,013
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	212,751,909	(1,442,453,763)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(37,589,390)	(229,614,830)
- Chi phí lãi vay	06	1,598,898,697	1,945,963,740
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6,767,061,220	37,704,311,866
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(49,025,114,894)	(5,405,774,657)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	27,288,043,145	15,111,406,069
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(41,358,019,279)	(80,258,789,071)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1,558,277,701	285,290,525
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1,546,008,362)	(2,119,266,441)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5,473,911,744)	(7,043,374,182)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(151,216,300)	(610,169,513)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(61,940,888,513)	(42,336,365,404)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2,754,915,312)	(1,902,085,122)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	13,500,000	8,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24,089,390	221,614,830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2,717,325,922)	(1,672,470,292)

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	133,527,255,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	171,176,776,725	149,837,520,414
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(166,667,253,797)	(111,754,787,528)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4,509,522,928	171,609,987,886
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(60,148,691,507)	127,601,152,190
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	571,950,296,562	229,769,985,766
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	746,001,077	4,260,623,497
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	512,547,606,132	361,631,761,453

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2021



Nguyễn Thị Diễm
Người lập



Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

I. Đặc điểm hoạt động của công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 01 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 300,052,800,000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/03/2021 là: 300,052,800,000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

-May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).Chi tiết : Công nghiệp may, sản phẩm chính : quần áo may sẵn các loại.

-Đại lý, môi giới, đấu giá, Chi tiết : Môi giới thương mại

-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.Chi tiết : Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may

-Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu , chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết : Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng. Kinh doanh nhà, cho thuê xưởng

-Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết ; Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may

-Hoạt động tư vấn quản lý .Chi tiết : Tư vấn kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận xuất khẩu, nhập khẩu;

-Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.Chi tiết : Công nghiệp dệt len các loại;

-Hoàn thiện sản phẩm dệt,Chi tiết : Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở)

-Sản xuất vải dệt thoi.Chi tiết : Công nghiệp dệt vải các loại;

-Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Dịch vụ vận tải;

-Vận tải hành khách đường bộ khác;

-Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao;

-Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;

-Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 3 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 công ty

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 3 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp: 1 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất: 04 công ty.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- (1) Công ty TNHH Garmex Quảng Nam

+ Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

- + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- (2) Công ty TNHH May Tân Mỹ
 - + Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- (3) Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long
 - + Địa chỉ: Số 5 Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị Xã Bình Dương, Tỉnh Bình Dương
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
- (4) Blue Saigon LLC
 - + Địa chỉ: Số 11100 Đường Valley Boulevard, Phòng 222, Thành Phố E1 Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

3. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	: 5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	: 3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	: 6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	: 3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	: 4 - 8 năm

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty Cổ phần Phú Mỹ số 02/HĐ-TĐ vào ngày 26 tháng 10 năm 2007 trong thời hạn 43 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo hướng dẫn của Thông tư 45 do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

9. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

12. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

„Quỹ đầu tư phát triển : Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

„Quỹ khen thưởng, phúc lợi : Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

15. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

+ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

+ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

+ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

+ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	224,635,153	176,065,928
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	512,322,970,979	571,774,230,634
Cộng	512,547,606,132	571,950,296,562

2. Các khoản đầu tư tài chính**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm/kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	102,700,000,000	(14,809,996,715)	87,890,003,285	102,700,000,000	(16,461,522,717)	86,238,477,283
Công ty TNHH May Tân Mỹ (100% vốn)	15,000,000,000	(13,348,473,998)	1,651,526,002	15,000,000,000	(15,000,000,000)	-
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam (100% vốn)	86,000,000,000	-	86,000,000,000	86,000,000,000		86,000,000,000
Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long (51% vốn)	1,700,000,000	(1,461,522,717)	238,477,283	1,700,000,000	(1,461,522,717)	238,477,283
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291
Công ty Cổ phần Phú Mỹ (32.67% vốn)	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15,395,180,000	(2,959,545,000)	12,435,635,000	15,395,180,000	(2,959,545,000)	12,435,635,000
NHNT Vietcombank (25.266 * 50.254)	1,269,730,000		1,269,730,000	1,269,730,000		1,269,730,000
NHTM CP Việt Á (196.855+10.846CPT) = 207.701 *20.310	3,998,050,000	(2,959,545,000)	1,038,505,000	3,998,050,000	(2,959,545,000)	1,038,505,000
Công ty CP Đầu tư Phát Triển Gia Định (843.950CP)	10,127,400,000		10,127,400,000	10,127,400,000		10,127,400,000
Cộng	122,436,180,000	(20,041,129,424)	102,395,050,576	122,436,180,000	(21,692,655,426)	100,743,524,574

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ /Năm trước
Số đầu năm	(21,692,655,426)	(9,011,655,371)
Trích lập dự phòng bổ sung	1,651,526,002	(3,553,231,500)
Số cuối năm/kỳ	(20,041,129,424)	(12,564,886,871)

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>97,185,321,227</i>	<i>91,730,150,987</i>
Blue Sai gon LLC	46,559,960,458	46,651,095,658
CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM	2,098,427,549	3,648,825,101
CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ	8,986,166,020	9,345,904,015
CTY CP SXKD XNK BÌNH THẠNH(GILIMEX)	39,540,767,200	32,084,326,213
<i>Phải thu các khách hàng khác (10%)</i>	<i>168,831,182,798</i>	<i>133,137,045,758</i>
COLUMBIA SPORTSWEAR CO.(HK) LTD	96,593,347,822	72,231,382,993
PROMILES S.N.C	61,416,134,777	55,751,336,617
CTY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG	2,739,948,383	-
NEW WAVE GROUP SA	-	1,947,461,594
TOPO DESIGNS	454,929,110	948,889,508
TEIJIN FRONTIER CO., LTD	2,269,633,953	24,555,079
CÔNG TY CP MAY PHƯƠNG ĐÔNG	22,484,027	-
OUTFIT INTERNATIONAL A/S	5,160,722,322	2,068,107,869
Công ty TNHH JSP Việt Nam	133,066,217	133,066,217
Cán bộ công nhân viên	11,952,266	-
CÔNG TY TNHH TEIJIN FRONTIER VIỆT NAM	-	27,139,860
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM	23,857,900	-
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ NHÀ BÈ	4,100,968	4,100,968
CÔNG TY TNHH SỸ NAM	1,005,053	1,005,053
Cộng	<u>266,016,504,025</u>	<u>224,867,196,745</u>

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn**4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	6,039,223,860	5,377,859,308
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC LẠC VIỆT	741,727,000	748,727,000
XIAMEN WINTEX TEXTILE CO.,LTD	2,620,397,671	-
TRUNG TÂM THIẾT BỊ PCCC 4/10	1,717,213,840	1,734,753,340
SHANGHAI WEIXING INTERNATIONAL TRADING CO. LTD	292,825,469	-
W.L. GORE & ASSOCIATES (HONG KONG) LTD	197,367,043	2,202,437,737
CÔNG TY LUẬT TNHH MTV CÔNG HÙNG VÀ CỘNG SỰ	-	200,000,000
CÔNG TY TNHH MTV PT CN MT BÁCH KHOA	-	11,000,000
FASHION GOING (HK) CO.,LTD	-	53,257,019
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NHÂN HÒA	-	145,200,000
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIẾN AN	-	35,418,400
FOV FABRICS AB	-	59,420,209
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỸ PHÚ	125,400,000	-
SHANGHAI KIYI INTERNATIONAL TRADE CO., LTD.	3,934,049	3,956,294
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VIỆT TIẾN CAD	156,783,000	-
CTY TNHH SX DV TM CÁCH KIÊM	75,000,000	75,000,000
CÔNG TY TNHH THẨM ĐỊNH GIÁ CHUẨN VIỆT	88,500,000	88,500,000
DEZHOU JUNXIANG TEXTILES CO., LTD	20,075,788	20,189,309
Các nhà cung cấp khác	2,503,240,471	1,819,399,151
Cộng	8,542,464,331	7,197,258,459

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác (100%)</i>	402,221,390	-	284,819,765	-
<i>Phải thu khác</i>	158,315,115	-	110,584,615	-
PHAN THỊ PHƯƠNG	158,315,115	-	110,584,615	-
Tạm ứng	243,906,275	-	174,235,150	-
HOÀNG NGỌC ĐỨC	9,000,000	-	-	-
NGUYỄN THỊ MỸ TRANG	100,000,000	-	100,000,000	-
LÊ HỒNG THÂM	30,000,000	-	-	-
PHẠM THỊ HOÀNG ANH	17,000,000	-	17,000,000	-
TRẦN AN THĂNG	10,000,000	-	10,000,000	-
TRẦN NGỌC THANH BÌNH	-	-	5,650,000	-
Nguyễn Trí Hiếu	-	-	9,000,000	-
Các tạm ứng khác	77,906,275	-	32,585,150	-
Cộng	402,221,390	-	284,819,765	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm/kỳ		Giá trị có thể thu hồi	Số đầu năm	
	Dự phòng	Giá gốc		Dự phòng	Giá gốc
Blue Saigon LLC	(46,559,960,458)	46,559,960,458	-	(46,651,095,658)	46,823,239,925
Công ty TNHH JSP Việt Nam	(133,066,217)	133,066,217	-	(133,066,217)	133,066,217
CÔNG TY TNHH SỸ NAM	(1,005,053)	1,005,053	-	(1,005,053)	1,005,053
Số cuối năm/kỳ	(46,694,031,728)	46,694,031,728	-	(46,785,166,928)	46,957,311,195

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	123,176,765,237	(3,305,758,200)	144,411,229,621	(3,305,758,200)
Công cụ, dụng cụ	846,620,806	-	666,821,176	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	766,963,831	-	1,582,353,817	-
Thành phẩm	88,199,199,136	(3,501,179,706)	93,617,187,541	(3,501,179,706)
Cộng	212,989,549,010	(6,806,937,906)	240,277,592,155	(6,806,937,906)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ /Năm trước
Số đầu năm	(6,806,937,906)	(7,956,269,873)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng NPL	-	-
Hoàn nhập dự phòng TP	-	2,501,112
Số cuối năm/kỳ	(6,806,937,906)	(7,953,768,761)

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Chi phí phần mềm	62,535,418	192,649,167
Chi phí sửa chữa	430,409,350	556,510,247
Công cụ, dụng cụ	112,656,466	94,594,406
Chi phí VC chờ phân bổ	143,062,051	1,034,888,953
Cộng	748,663,285.00	1,878,642,773

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Quyền SD đất	8,075,533,642	8,134,193,692
Máy móc thiết bị	185,717,231	340,663,652
Chi phí sửa chữa	62,385,680	131,589,253
Công cụ, dụng cụ	3,658,703,830	3,785,350,124
Phần mềm	25,122,500	43,964,375
Cộng	12,007,462,883	12,435,761,096

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	114,633,412,018	110,876,220,226	12,022,692,135	14,173,524,713	251,705,849,092
- Mua trong kỳ	444,853,650	1,164,770,000		646,780,000	2,256,403,650
- Thanh lý, nhượng bán					-
Số cuối năm/kỳ	115,078,265,668	112,040,990,226	12,022,692,135	14,820,304,713	253,962,252,742
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23,991,793,059	71,715,136,988	7,114,452,134	10,230,220,472	113,051,602,653
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	53,369,242,435	97,433,484,279	10,265,859,642	11,367,501,194	172,436,087,550
Khấu hao trong năm/kỳ	978,167,859	2,076,611,168	212,313,486	386,257,317	3,653,349,830
Thanh lý					-
Số cuối năm/kỳ	54,347,410,294	99,510,095,447	10,478,173,128	11,753,758,511	176,089,437,380
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	61,264,169,583	13,442,735,947	1,756,832,493	2,806,023,519	79,269,761,542
Số cuối năm/kỳ	60,730,855,374	12,530,894,779	1,544,519,007	3,066,546,202	77,872,815,362

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	-	6,018,865,523	6,018,865,523
Mua trong năm/kỳ	-	-	-	-	-
Tặng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-
Số cuối năm/kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6,018,865,523</u>	<u>6,018,865,523</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	3,546,134,623	3,546,134,623
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	-	-	4,449,717,185	4,449,717,185
Khấu hao trong năm/kỳ	-	-	-	79,788,465	79,788,465
Số cuối năm/kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4,529,505,650</u>	<u>4,529,505,650</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	1,569,148,338	1,569,148,338
Số cuối năm/kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1,489,359,873</u>	<u>1,489,359,873</u>

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị cơ thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị cơ thể thu hồi
Cộng	-	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm/kỳ	Kết chuyển giảm khác	Cộng
Xây dựng cơ bản dở dang	13,130,494,545	540,496,364	-	13,670,990,909
<i>Tiền đất tại 213 Hồng Bàng</i>	<i>10,020,000,000</i>		-	<i>10,020,000,000</i>
<i>Tiền đất xây dựng nhà ở công nhân tại hai (2) thửa đất số 479 và 450 tọa lạc tại Tổ 8, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, H. Tân Thành, T. BR - VT</i>	<i>1,843,383,000</i>	-	-	<i>1,843,383,000</i>
<i>Xây dựng cơ bản 213 Hồng Bàng</i>	<i>1,267,111,545</i>	<i>540,496,364</i>	-	<i>1,807,607,909</i>
<i>Hệ thống tổ máy An Phú</i>	-	<i>305,890,088</i>	-	<i>305,890,088</i>
Cộng	13,130,494,545	846,386,452	-	13,976,880,997

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	Số thuế đầu năm	Số căn cứ tính thuế	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm/kỳ	Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số căn cứ tính thuế	Số cuối năm/kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3,763,164,801	18,815,824,007	5,547,783	(97,962,251)	489,811,255	3,670,750,333
<i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>1,959,080,901</i>	<i>9,795,404,507</i>		<i>(69,216,151)</i>	<i>346,080,755</i>	<i>1,889,864,750</i>
<i>Dự phòng quỹ lương</i>	<i>1,804,083,900</i>	<i>9,020,419,500</i>	<i>5,547,783</i>	<i>(28,746,100)</i>	<i>143,730,500</i>	<i>1,780,885,583</i>
Cộng	3,763,164,801	18,815,824,007	5,547,783	(97,962,251)	489,811,255	3,670,750,333

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi tiết phát sinh trong năm/kỳ như sau:

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ/Năm trước
Số đầu năm	3,763,164,801.00	6,331,213,475
Ghi nhận tăng dự phòng quỹ lương thôi việc	5,547,783.00	-
Ghi nhận tăng dự phòng khó đòi	-	-
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(97,962,251.00)	(83,547,875)
Số cuối năm/kỳ	3,670,750,333	6,247,665,600



Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>73,186,503,092</i>	<i>80,124,629,371</i>
CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM	71,446,284,336	76,830,446,308
CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ	1,127,659,370	2,660,270,637
Blue Sai gon LLC	309,637,624	310,238,992
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX	282,357,524	250,667,579
CTY CP SXKD XNK BÌNH THẠNH(GILIMEX)	20,564,238	73,005,855
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>38,914,195,046</i>	<i>46,637,642,859</i>
DESIPRO PTE LTD	4,820,415,625	9,086,289,436
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI TRANSIMEX	14,779,074	14,144,130
CÔNG TY TNHH YKK VIỆT NAM	8,424,412,941	8,348,286,635
TEIJIN FRONTIER CO., LTD	1,474,883,801	8,906,053,356
CÔNG TY TNHH JDT VIỆT NAM	1,045,605,148	1,521,297,628
CÔNG TY TNHH CN DỆT HUGE BAMBOO	9,127,801,325	3,925,416,197
HTT INSPRITE (XIAMEN) IMP & EXP CO., LTD	101,694,520	1,762,244,613
VIETNAM PAIHO LTD	2,799,714,629	2,034,607,859
CÔNG TY TNHH IN THÊU TÂN HÙNG NGỌC	2,377,612,784	2,620,268,784
UNITEX INTERNATIONAL BUTTON CO.	1,246,548,086	991,841,143
AVERY DENNISON RIS VIET NAM CO., LIMITED	1,540,868,001	835,284,121
CÔNG TY TNHH QUANTERM LOGISTICS VIETNAM	8,157,484	254,977,928
CÔNG TY TNHH COATS PHONG PHÚ	3,660,685,886	2,372,810,461
CÔNG TY TNHH DALUEN (VIETNAM)	146,407,198	95,690,610
FORMOSA TAFFETA CO., LTD	1,394,424,355	2,589,408,761
CÔNG TY TNHH MAINETTI (VIỆT NAM)	458,102,361	475,303,835
CTY TNHH DỆT LIÊN CHÂU	184,846,778	165,188,786
BEMIS HONGKONG LIMITED	87,235,050	638,528,576
Các khoản phải trả khác	15,879,268,685	23,406,454,431
Cộng	<u>127,979,966,823</u>	<u>150,168,726,661</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn**15a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	<i>3,335,003,260</i>	<i>3,429,687,611</i>
CÔNG TY TNHH HB VINA	378,493	378,493
CÔNG TY TNHH IN THÊU TÂN HÙNG NGỌC	1,028,927	1,028,927
ONE SOURCE APPAREL	25,599,375	25,649,093
WERX DESIGNS	2,831,374	2,836,873
SOARTD PTY LTD	317,200,544	317,816,600
NEW WAVE GROUP SA	1,337,193,529	-
CHU THÀNH TRUNG	92,000,000	92,000,000
GAME GUARD	1,464,729,317	2,895,753,279
KANE TOP	11,774,994	11,797,863
MRG DESIGN LLC	77,075,005	77,224,698
MARK (CHEONG TAI) INTERNATIONAL LIMITEI	5,191,702	5,201,785
Cộng	<u>3,335,003,260</u>	<u>3,429,687,611</u>

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

16.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm/kỳ		Số cuối năm/kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế tài nguyên	-	-	3,993,600	(3,993,600)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	689,940,774	-	689,940,774	-
Thuế môn bài	-	-	7,000,000	(7,000,000)	-	-
Thuế TNDN	4,389,359,898	-	1,334,922,016	(5,473,911,744)	250,370,170	-
Thuế TNCN	126,077,705	-	350,491,238	13,750,661	490,319,604	-
Thuế khác (Thuế nhà thầu)	14,183,529	-	30,957,751	(32,291,340)	12,849,940	-
Cộng	4,529,621,132	-	2,417,305,379	(5,503,446,023)	1,443,480,488	-
	-	-	-	-	-	-

16.2. Chi phí thuế TNDN

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ /Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,118,514,494	30,146,770,511
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trước điều chỉnh	3,118,514,494	30,146,770,511
- Các khoản điều chỉnh tăng	11,089,039,303	96,545,740
- Chi phí không hợp lệ	918,770,939	96,545,740
- Hoàn lại chi phí thuế TNDN của dự phòng	9,449,323,752	-
- Dự phòng lương, trợ cấp mất việc làm	27,738,917	-
- Điều chỉnh giảm hàng dự phòng tồn kho đã bán	693,205,695	-
- Lỗi do đánh giá lại công nợ và tiền gửi có gốc ngoại tệ	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11,848,660,141)	(8,490,053,532)
- Dự phòng lương, trợ cấp mất việc làm	(143,730,500)	(417,739,375)
- Hoàn nhập hoàn lại dự phòng Blue LLC	(9,795,404,507)	-
- Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá năm trước	(999,700,497)	(213,297,628)
- Lãi do đánh giá lại công nợ và tiền gửi có gốc ngoại tệ	(909,824,637)	(7,859,016,529)
Thu nhập chịu thuế	2,358,893,656	21,753,262,719
Thu nhập tính thuế	2,358,893,656	21,753,262,719
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	471,778,731	4,350,652,544
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	863,143,285	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1,334,922,016	4,350,652,544

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	19,388,281,909	19,166,270,302
Tiền lương tháng 13	14,070,000,000	34,042,465,474
Cộng	33,458,281,909	53,208,735,776

18. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn**18a. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác (10%)</i>	<i>2,523,212,713</i>	<i>6,053,005,907</i>
Tiền lương phép phải trả	1,371,000,000	4,570,000,000
Chi phí lãi vay phải trả	130,172,603	77,282,268
Chi phí kiểm toán	367,999,996	367,999,996
Chi phí trích trước chi phí gia công, giặt, In,..	654,040,114	1,037,723,643
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	-
Cộng	2,523,212,713	6,053,005,907

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>32,200,000</i>	<i>32,200,000</i>
Công ty Tân Mỹ	32,200,000	32,200,000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5,995,710,803</i>	<i>2,596,503,063</i>
Công ty CP ĐT Địa Ốc Duy Đức - Sài Gòn	-	-
Trợ cấp thai sản	208,684,816	208,995,216
Kinh phí công đoàn	804,003,444	1,602,507,644
Bảo hiểm	4,589,974,599	290,112,259
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	393,047,944	494,887,944
CÔNG TY TNHH DỆT QUỐC TẾ COSMOS	304,389,519	304,389,519
Đoàn phí công đoàn	49,140,000	150,980,000
Chia lãi cổ tức	39,518,425	39,518,425
Cộng	6,027,910,803	2,628,703,063

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	369,771,712,458	364,417,918,906
Cộng	369,771,712,458	364,417,918,906

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm/kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số đầu năm (Nguyên tệ)	Số tiền vay phát sinh trong năm/kỳ	Số tiền vay phát sinh trong năm/kỳ (Nguyên tệ)	Số tiền vay đã trả trong năm/kỳ	Số tiền vay đã trả trong năm/kỳ (Nguyên tệ)	Số cuối năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ (Nguyên tệ)
Vay ngắn hạn ngân hàng	364,417,918,906	(15,697,520)	172,404,367,614	(7,443,499)	167,050,574,062	7,179,292	369,771,712,458	(15,961,727)
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM	364,417,918,906	(15,697,520)	131,899,229,851	(5,865,334)	163,111,524,447	7,179,292	333,205,624,310	(14,383,562.22)
NH TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM) - CHI NHÁNH TPHCM	-	-	-	-	-	-	-	-
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM(VND)	-	-	3,939,049,615	-	3,939,049,615	-	-	-
NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI - CHI NHÁNH BẮC SÀI GÒN	-	-	36,566,088,148	(1,578,165)	-	-	36,566,088,148	(1,578,165.22)
Cộng	364,417,918,906	(15,697,519.66)	172,404,367,614	(7,443,499.35)	167,050,574,062	7,179,291.57	369,771,712,458	(15,961,727.44)
	-	-	-	-	-	-	-	-

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ /Năm trước</u>
Số đầu năm	1,397,314,527	4,013,989,170
Sử dụng quỹ	(151,216,300)	(714,462,243)
Số cuối năm/kỳ	1,246,098,227	3,299,526,927

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Bảo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
Số đầu năm trước	178,809,280,000	167,155,036,481	(863,138,686)	28,314,942,370	67,754,774,402	441,170,894,567
Lợi nhuận trong kỳ /năm trước	121,243,520,000	16,452,016,585		44,372,885,000		182,068,421,585
Số dư cuối kỳ /năm trước	300,052,800,000	183,607,053,066	(863,138,686)	72,687,827,370	67,754,774,402	623,239,316,152
Số dư đầu năm nay	300,052,800,000	183,607,053,066	(863,138,686)	72,687,827,370	67,754,774,402	623,239,316,152
Lợi nhuận trong năm/kỳ này	-	1,691,178,010				1,691,178,010
Chi thù lao, thưởng HĐQT-BKS và CBCC năm 2019		-				-
Thu hồi chi thưởng HĐQT-BKS và CBCC năm 2018		-				-
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu		-				-
Số dư cuối năm nay/kỳ này	300,052,800,000	185,298,231,076	(863,138,686)	72,687,827,370	67,754,774,402	624,930,494,162

22.b Cổ phiếu

	Số lượng		
	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành			
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	30,005,280		30,005,280
Cổ phiếu phổ thông	30,005,280		30,005,280
Cổ phiếu quỹ			
Cổ phiếu phổ thông	(49,260)	0.16%	(49,260)
Cổ phiếu đang lưu hành			
Cổ phiếu phổ thông	29,956,020	99.84%	29,956,020
Tổng cộng	30,005,280	100%	30,005,280

23. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	21,747,386.76	24,786,556.10
NH TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM) - CN TPHCM	2,717,072.49	2,251,511.26
NGÂN HÀNG FIRST BANK	5,696.07	5,696.07
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM	11,350,387.80	10,562,769.00
NGÂN HÀNG QUẢN ĐỘI - CN BẮC SÀI GÒN	7,674,230.40	11,966,579.77
Tổng cộng	21,747,386.76	24,786,556.10

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***1a. Tổng doanh thu*

	Năm nay	Năm nay (USD)	Năm trước	Năm trước (USD)
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm				
Doanh thu xuất khẩu	246,334,482,051	10,726,963.93	372,338,478,692	16,083,107.54
Doanh thu nội địa	2,699,621,715		143,002,603	
Cộng	249,034,103,766	10,726,963.93	372,481,481,295	16,083,107.54

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH May Tân Mỹ</i>	864,294,099	1,024,939,304
<i>Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam</i>	103,324,638	273,971,976
<i>Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh</i>	56,826,728,000	
Cộng	57,794,346,737	- 1,298,911,280

1c. Thông tin bổ sung về doanh thu cho thuê tài sản

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH May Tân Mỹ</i>	-	943,227,607
Cộng	-	943,227,607
Tổng Cộng	306,828,450,503	10,726,963.93 374,723,620,182

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm nay (USD)	Năm trước	Năm trước (USD)
Giảm giá hàng bán	-	-	1,020,695	44.10
Cộng	-	-	1,020,695	44.10

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	277,196,508,474	315,340,017,646
kho	-	(2,501,112)
Cộng	277,196,508,474	315,337,516,534

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá	2,771,033,267	3,621,175,709
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	20,212,800
Chiết khấu thanh toán	6,746,833	
Thu nhập lãi	24,089,390	201,402,030
Cộng	2,801,869,490	3,842,790,539

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1,598,898,697	1,945,963,740
Chi phí dự phòng tài chính	(1,651,526,002)	3,553,231,500
Chi phí chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2,963,112,583	493,866,049
Cộng	2,910,485,278	5,993,061,289

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển, xnk	2,619,260,043	3,302,154,418
Cộng	2,619,260,043	3,302,154,418

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	19,184,718,725	18,637,614,446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,598,315,559	1,618,708,852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,840,538,062	2,130,065,523
Chi phí đồ dùng văn phòng (CCDC)	445,846,333	277,872,642
Chi phí khác bằng tiền	2,028,693,778	1,919,465,740
Cộng	25,098,112,457	24,583,727,203

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13,500,000	8,000,000
Các khoản khác	1,299,060,753	789,839,929
Cộng	1,312,560,753	797,839,929

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	134,440,143,604	203,017,817,635
Chi phí nhân công	93,810,044,076	91,465,140,556
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,733,138,295	4,150,655,195
Chi phí Công cụ dụng cụ	1,254,980,143	998,716,060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69,828,792,333	65,748,174,808
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Chi phí khác	1,686,743,327	1,919,465,740
Cộng	304,753,841,778	370,853,201,494

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
- 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
- 3 . Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Gia công	28,169,445,689
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Công ty con	Gia công	22,488,498,882
Công ty Cổ Phần Transimex	Công ty con	Chi phí vận chuyển	1,039,824,010
Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh		Gia công	56,902,723,538

b. Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/03/2021 với các bên có liên quan :

Các bên liên quan	Nội dung	Số dư công nợ
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Phải thu	8,986,166,020
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Phải thu	2,098,427,549
Blue Sai gon LLC	Phải thu	46,559,960,458
Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	Phải thu	39,540,767,200

c. Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/03/2021 với các bên có liên quan :

Các bên liên quan	Nội dung	Số dư công nợ
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Phải trả	1,127,659,370
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Phải trả	71,446,284,336
Blue Sai gon LLC	Phải trả	309,637,624
Công ty Cổ Phần Transimex	Phải trả	282,357,524
Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	Phải trả	20,564,238

4 . Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên

'- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, nay Công Ty CP Garmex Sài Gòn giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của quý công bố so với quý cùng kỳ năm trước có biến động :

-Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1 năm 2020:	25,712,570,092
<u>-Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1 năm 2021:</u>	<u>1,691,178,010</u>
=> Chênh lệch so với năm trước	(24,021,392,082)
Tỷ lệ phần trăm giảm tương ứng lợi nhuận	-93.42%

****Nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 1/2021 giảm so với Quý 1/2020 chủ yếu là do:**

Lợi nhuận sau thuế quý I năm 2021 giảm 24,021,392,082 đồng, tỷ lệ giảm 93,42 % là do:

- Doanh thu thuần quý 1 năm 2021 giảm 67,894,148,984 đồng tỷ lệ giảm 18.12% so với quý I năm 2020. Nguyên nhân sụt giảm là do tình hình dịch bệnh Covid - 19 nên số lượng đơn giá, đơn đặt hàng của một số khách hàng giảm. Công ty phải nhận thêm mặt hàng gia công nội địa nên doanh số xuất khẩu giảm.

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/03/2021

- Giá vốn giảm 38,141,008,060 đồng , tỷ lệ giảm 12.10% tuy nhiên tỷ lệ giảm giá vốn thấp hơn tỷ lệ giảm doanh thu. Vì đơn giá xuất khẩu giảm (giá gia công hàng xuất khẩu và giá trị nguyên phụ liệu giảm) nên không đủ bù chi phí lương do đó lãi gộp giảm .

- Chi phí bán hàng giảm 682,894,375 đồng, tỷ lệ giảm 20.68% chủ yếu là do doanh thu xuất khẩu giảm nên chi phí xuất nhập khẩu giảm.

- Chi phí quản lí doanh nghiệp tăng 514,385,254 đồng , tỷ lệ tăng 2.09% do khoản trích theo lương, công cụ dụng cụ tăng.

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 1,040,921,049 đồng , tỷ lệ giảm 27.09% do tỷ giá giảm.

- Chi phí tài chính giảm 3,787,539,985 đồng, tỷ lệ giảm 47,556.39% chủ yếu do hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty con .

=> Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận sau thuế giảm hơn so với cùng kỳ.

5. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Nguyễn Thị Diễm
Người lập biểu

Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng giám đốc